

Tổng quan về vị thuốc Địa Long (*Pheretima sp.*) theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền

Overview of the medicine Dia Long (*Pheretima sp.*) according to folk experience and traditional medicine

Trần Bảo Ngọc Thu^{a,b}, Võ Thị Bích Liên^{a,b}, Nguyễn Thị Mai Diệu^{a,b*}
Tran Bao Ngoc Thu^{a,b}, Vo Thi Bich Lien^{a,b}, Nguyen Thi Mai Dieu^{a,b*}

^bKhoa Dược, Trường Y - Dược, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

^bFaculty of Pharmacy, College of Medicine and Pharmacy, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam

^aViện Sáng kiến Sức khỏe Toàn cầu, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

^aInstitute for Global Health Innovations, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam

(Ngày nhận bài: 26/8/2022, ngày phản biện xong: 24/11/2022, ngày chấp nhận đăng: 30/11/2022)

Tóm tắt

Tổng quan: Địa long là vị thuốc dễ tìm, dược tính có ứng dụng thiết thực trong việc phòng và chữa bệnh. Chúng đã xuất hiện trong những bài thuốc được ghi chép lại trong tài liệu của các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, tuy vậy việc tổng hợp thông tin còn chưa được đầy đủ.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thu thập thông tin và phương pháp phân tích, tổng hợp thông tin.

Mục tiêu nghiên cứu: Tổng quan về vị thuốc Địa long (*Pheretima sp.*) theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền. Kết quả: Một số bài thuốc có thành phần Địa long sử dụng theo kinh nghiệm dân gian như: Nam Địa long; Bài thuốc chữa bệnh sốt rét; Bài thuốc chữa bệnh chàm bằng Địa long và thuốc sắc của *Pheretima aspergillum* chữa bệnh hen suyễn.

Địa long có vị mặn, tính hàn, quy vào các kinh can, tỳ, phế và bàng quang. Công năng: Thanh nhiệt, trấn kinh, thông kinh lạc, bình suyễn và lợi niệu. Chủ trị: Sốt cao bất tỉnh, kinh giãn co quắp, đau khớp, chân tay tê bại, phù thũng, tiêu ít và cao huyết áp.

Từ khóa: Giun đất, Địa long, kinh nghiệm dân gian, y học cổ truyền.

Abstract

Introduction: Dia Long is an easy-to-find medicine with medicinal properties that have practical applications in the prevention and treatment of diseases. They have appeared in the medicinal herbs recorded in the literature of countries such as China, Japan, Korea, and Vietnam; however, the collection of information is still incomplete.

Methods: Methods of collecting, analyzing and synthesizing information.

Objectives: An overview of the medicine Dia Long (*Pheretima sp.*) according to folk experience and traditional medicine. Results: Several remedies with ingredients of Dia Long used according to folk experience such as: Nam Dia Long; Medicines to treat malaria; The remedy for eczema with the earth dragon and the decoction of *Pheretima*

* Corresponding Author: Nguyen Thi Mai Dieu, Faculty of Pharmacy, College of Medicine and Pharmacy, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam; Institute for Global Health Innovations, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam

Email: maideunguyen1996@gmail.com

aspergillum for asthma. Dia Long has a salty, cold taste, referred to as the liver, spleen, lung, and bladder meridians. Functions: clear heat, calm nerves, clear meridians, relieve asthma and diuretic. Indication: High fever and unconsciousness, menstrual cramps, joint pain, paralysis of limbs, edema, little urination, and high blood pressure.

Keywords: Earthworms, Dia Long, folk experience, traditional medicine.

1. Đặt vấn đề

Theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền thì toàn thân và phân Địa long đều được sử dụng. Các sản phẩm từ dịch chiết của chúng có tác dụng chống viêm, hạ sốt, giảm đau, kháng khuẩn và chống lại các tế bào ung thư. Mặc dù Địa long có nhiều công dụng thiết thực nêu trên, việc sử dụng chúng như thế nào cho an toàn, hiệu quả, hợp lý thì không phải ai cũng biết đến và cần phải tuân theo những khuyến cáo của Bộ Y tế để tránh tình trạng tin vào những lời quảng cáo khi thông tin chưa được các cơ quan có thẩm quyền kiểm chứng và cấp phép. Với mong muốn được tìm hiểu và cung cấp thông tin về vị thuốc này, nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu: Tổng quan về vị thuốc Địa long (*Pheretima sp.*) theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sách, bài báo trên tạp chí chuyên ngành, báo cáo khoa học, đề tài nghiên cứu, thống kê của các cơ quan có thẩm quyền và tài liệu chuyên khảo khác liên quan đến Địa long (*Pheretima sp.*).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin

- Thu thập thông tin qua sách chuyên ngành, bài báo, tạp chí có thể tìm kiếm tại thư viện các trường đại học, Thư viện Quốc gia và các nhà xuất bản có trưng bày bán sách liên quan đến vị thuốc Địa long (*Pheretima sp.*).

- Thu thập thông tin trên Internet: PubMed, Google Scholar được sử dụng để tìm kiếm tài liệu với các từ khóa “*Pheretima sp.*”, “Earthworm”, “Địa long”, “Mimizu”, “Jireongi”, “Lombriz de tierra”, “Ver de terre”, “Regenwurm”,

“Lombrico”, “Daggmask”, “Minhoca” từ đó sử dụng công cụ tìm kiếm nâng cao nhằm trích lọc những nội dung có liên quan.

2.2.2. Phương pháp phân tích và tổng hợp

- Phương pháp phân tích: Phân tích nguồn tài liệu (sách, báo, tạp chí, báo cáo khoa học) và phân tích nội dung bài viết, chọn lọc các nội dung phù hợp với yêu cầu. Tất cả sách, bài báo, tạp chí khoa học được chọn là ấn phẩm tái bản gần nhất, sử dụng trong giáo dục và đào tạo hoặc sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công trình nghiên cứu khoa học, được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín chất lượng và đảm bảo mức độ tin cậy về những thông tin trích xuất.

- Phương pháp tổng quan mô tả: Tổng hợp và thảo luận về luận điểm/quan điểm, thông tin và kết quả có liên quan đến vấn đề nghiên cứu quan tâm.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tên gọi và vị trí phân loài

3.1.1. Tên gọi

Tên khoa học: *Pheretima sp.*

Tên gọi khác: Khâu dẫn, khúc đàn, câu vắn, ca nữ, phụ dẫn, giun đất [5].

Tên nước ngoài: Trong tiếng Anh: Earthworm; tiếng Nhật: Mimizu; tiếng Hàn: Jireongi; tiếng Tây Ban Nha: Lombriz de tierra; tiếng Pháp: Ver de terre; tiếng Đức: Regenwurm; tiếng Ý: Lombrico; tiếng Thụy Điển: Daggmask; tiếng Bồ Đào Nha: Minhoca [13].

3.1.2. Mô tả Địa long (*Pheretima sp.*)

Địa long là đại diện của loài động vật không xương sống thuộc ngành giun đốt (Annelida), lớp giun ít tơ (Oligochaeta) [8].

Địa long thuộc nhiều chi. Tại châu Âu chi chủ yếu là *Lumbricus* thuộc họ Đới dẫn Lumbricidae; Tại châu Á và châu Úc chi chủ yếu thuộc họ Cự dẫn Megascolecidae. Những chi thường gặp ở nước ta mới được xác định tới chi *Pheretima* [15], [19].

Vị trí phân loài:

Giới: Animalia



Hình 3.1. Địa long (*Pheretima asiatica*)

Ngành: Annelida

Lớp: Oligochaeta

Phân bộ: Lumbricina

Họ: Megascolecidae

Chi: *Pheretima*

Loài: *Pheretima* sp. [17].



Hình 3.2. Địa long sấy khô

3.1.3. Vị thuốc Địa long

Toàn thân đã phơi hay sấy khô của Địa long gồm 2 loại là Quảng địa long và Hồ địa long thuộc họ Cự dẫn Megascolecidae [3].

3.2. Vùng phân bố, thu hoạch, bộ phận dùng và phương pháp chế biến Địa long

3.2.1. Phân bố

Trên thế giới: *Pheretima* là một chi của Địa long được tìm thấy chủ yếu ở New Guinea (Đảo Papua) và một số khu vực thuộc Đông Nam Á. Loài *Pheretima praepinguis* thuộc chi *Pheretima* sống ở núi Nga Mi, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc là một trong những sinh vật đặc trưng nhất ở nơi này [28]. Các loài *Pheretima timpoongensis*, *Pheretima camiguinensis* và *Pheretima pandanensis* được tìm thấy ở núi Timpoong, đảo Camiguin, Philippines [9].

Ở Việt Nam: Địa long sống ở những nơi ẩm và đất mùn khắp nơi trong nước ta [10]. Nhóm loài *Pheretima* chiếm 2/3 tổng số các loài Địa long của khu hệ Việt Nam. Có 6 giống Địa long được ghi nhận ở Việt Nam đó là: *Dichogaster*, *Drawida*, *Pontoscolex*, *Pheretima*, *Gordiodrilus*

và *Nematogonia*. Trong đó giống *Pheretima* có số loài nhiều nhất (37 loài). Loài *Pheretima anomala* là loài quý hiếm có giá trị bảo tồn. Nhiều loài Địa long có ý nghĩa kinh tế cao trong cải tạo đất, chăn nuôi, làm dược liệu, giá trị sinh học như *Pheretima bianensis*, *Pheretima houletti*, *Pheretima campanulata*, *Pheretima oculata ankheana*, *Pheretima aspergillum*.

3.2.2. Bộ phận dùng và phương pháp chế biến [2], [3]

Bộ phận dùng: Theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền thì toàn thân và phân Địa long đều được sử dụng.

Phương pháp chế biến: Thông thường, Địa long được thu hoạch vào mùa xuân đến mùa thu. Dùng lá nghệ rậm (*Polygonum hydropiper* L.) ngâm nước, đổ lên mặt đất, bắt lấy Địa long từ đất bò lên. Loại bỏ Địa long có bệnh, làm cho sạch lớp nhớt bên ngoài bằng cách cho vào tro bếp, dùng rom xát nhẹ hoặc rửa bằng nước bò kết hay nước phèn chua. Sau đó cắt bỏ đầu, tuốt cho ra hết lớp đất cát bên trong bụng, rồi lột lớp da phía trong của Địa long ra ngoài

bằng một que nhỏ. Dùng nước ấm rửa nhiều lần cho sạch, lần cuối rửa bằng nước nóng có pha ít muối, rồi đem phơi hoặc sấy khô (có thể dùng rượu để rửa). Hoặc tẩm rượu cho Địa long sẵn lại, rồi sấy khô ở nhiệt độ thấp. Bảo quản nơi thoáng mát, tránh mốc, mọt. Khi dùng, thái nhỏ, tẩm rượu gừng, sao qua, tán thành bột mịn. Trong y học cổ truyền, tùy vào từng trường hợp mà Địa long được sử dụng dưới các dạng khác nhau: bột, thuốc sắc hoặc đốt thành tro.

Cách tiến hành:

Cho Địa long ngạt thở bằng tro, sau đó làm sạch tro rồi phơi nắng. Các bộ phận bên trong, bên ngoài của Địa long được làm sạch và tiếp tục phơi nắng.

Liều cho người trưởng thành:

- Địa long khô: 9g-18g/ngày.
- Bột Địa long: 1,5g-3g/ngày.

Các phương pháp chế biến Địa long khác nhau sẽ cho ra hiệu quả khác nhau. Nghiên cứu của Li Hongyu và cộng sự (2010) đã chỉ ra tác dụng điều trị ho, giảm đờm và giảm hen suyễn bằng cách sử dụng các sản phẩm từ Địa long có phương pháp chế biến khác nhau sẽ cho ra hiệu quả khác nhau. Chế phẩm bột Địa long nghiền mịn có tác dụng giảm đờm, giảm ho và giảm hen suyễn tốt hơn so với chế phẩm được chế biến kết hợp giữa rượu gạo và Địa long [26].

3.2.3. Tính, vị, quy kinh, công năng, chủ trị

Tính, vị, quy kinh: Theo Dược điển Việt Nam V: Địa long có vị mặn, tính hàn, quy vào các kinh can, tỳ, phế và bàng quang [3]. Sách “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” của Đỗ Tất Lợi ghi lại rằng: Địa long có vị mặn, tính hàn, quy vào các kinh tỳ, vị và thận [5].

Công năng: Thanh nhiệt, trấn kinh, thông kinh lạc, bình suyễn, lợi niệu [3].

Chủ trị: Sốt cao bất tỉnh, kinh giãn co quắp, đau khớp, chân tay tê bại, phù thũng, tiểu ít, cao huyết áp [3].

3.3. Công dụng của vị thuốc Địa long (*Pheretima sp.*)

3.3.1. Dùng đơn độc

Theo kinh nghiệm dân gian

Một số thầy thuốc ở Myanmar và Ấn Độ sử dụng Địa long để điều trị nhiều bệnh khác nhau. Ở Myanmar, công dụng chính của Địa long dùng để điều trị bệnh có tên gọi Ye se kun byo, biểu hiện bệnh là các triệu chứng của sốt xuất huyết. Địa long được nung trong nồi đậy kín cho đến khi thành tro và được sử dụng riêng biệt như một loại bột đánh răng hoặc tạo cảm giác ngon miệng, có thể kết hợp với hạt me rang và trà, dùng cho người yếu. Địa long được đun sôi trong nước với muối, hành, gạn lấy dịch trong rồi trộn với thức ăn của bệnh nhân [12].

Theo y học cổ truyền

Địa long là những vị thuốc có giá trị ở Trung Quốc và được liệt kê trong Dược điển của nước này về các phương thuốc chống hen suyễn, giúp tăng cường lưu thông máu, làm tan huyết ứ, hạ sốt và lợi tiểu [20].

Theo các nghiên cứu hiện đại

Nhiều thành phần trong dịch chiết Địa long có tác dụng chống đông máu, làm tan huyết khối, kháng virus, kháng khuẩn, kháng u và thúc đẩy quá trình phục hồi mô tổn thương [16], [21], [22]. Địa long và các sản phẩm bổ dưỡng của chúng được chứng minh có tác dụng trong việc điều trị chứng rối loạn đông máu ở người [14].

Dịch chiết *Pheretima aspergillum* có tác dụng chống hen suyễn trên chuột, thuốc sắc Địa long có tác dụng làm giảm đáng kể mức Interleukin 4 (IL-4), Interleukin 5 (IL-5) và IL-13 (Interleukin 13); làm giảm độc lực tiết chất nhầy và sự xâm nhập của các tế bào viêm trong phổi [20].

Do có nhân purin, Địa long có tác dụng lợi tiểu và chữa đau nhức xương khớp, dùng dưới dạng thuốc sắc (6g-12g/ngày) hoặc thuốc bột (2g-4g/ngày) [5].

3.3.2. Được kết hợp trong các bài thuốc dân gian

Bảng 3.2. Một số bài thuốc có thành phần Địa long được sử dụng theo kinh nghiệm dân gian

Bài thuốc	Công dụng của bài thuốc	
	Theo kinh nghiệm dân gian	Theo các nghiên cứu hiện đại
Nam Địa Long (Địa long, đậu đen, đậu xanh và bồ ngót.)	Bài thuốc được dùng để điều trị động kinh, viêm khớp và ung thư được giới thiệu theo kinh nghiệm của cụ Nguyễn An Định [6].	Nam Địa Long có hoạt tính gây độc tế bào ung thư vú MCF-7, ung thư gan HepG2, ung thư phổi NCI-H460 và hoạt hóa quá trình apoptosis (sự chết theo chương trình của các tế bào bị tổn thương hoặc thay đổi cấu trúc) của tế bào MCF-7 nhưng không độc trên các tế bào bình thường [18].
Bài thuốc chữa bệnh sốt rét (Địa long: 1-2 con, phèn phi: 10g, tỏi: 20g.)	Địa long mổ bụng bỏ phân rửa sạch bằng rượu hoặc cồn, sấy khô; tãi đập dập sao vàng, tất cả các vị tán bột + phèn phi - viên thành hoàn. Uống 20g-30g/ngày chia 2 lần [1].	
Bài thuốc chữa bệnh chàm (Địa long tươi: 200g, đường trắng: 100g.)	Địa long rửa sạch cho vào bát rồi thêm đường, khi đó Địa long sẽ chết, phần thịt trên thân của chúng chuyển thành chất lỏng. Bôi lên vết thương 2-3 lần/ngày [25].	

3.3.3. Được kết hợp trong các bài thuốc y học cổ truyền

3.3.3.1. Giới thiệu một số bài thuốc theo y học cổ truyền

Bổ dương hoàn ngũ thang [5]

Bảng 3.3. Công thức bài thuốc Bổ dương hoàn ngũ thang

STT	Tên vị thuốc	Hàm lượng (g)
1	Hoàng kỳ	15
2	Đương quy	8
3	Xích thược	6
4	Địa long	4
5	Xuyên khung	4
6	Đào nhân	4
7	Hồng hoa	4

Liều dùng: Thêm 600ml nước, sắc còn 200ml chia 3 lần uống trong ngày. Khi mới bị bệnh thì thêm vào thang thuốc này 4g phòng phong. Uống trong vòng 4-5 lần thì bỏ vị phòng phong đi.

Thần dược cứu mệnh, cứu người sau 4 khắc [5]**Bảng 3.4.** Công thức bài thuốc “Thần dược cứu mệnh, cứu người sau 4 khắc”

STT	Tên vị thuốc	Hàm lượng
1	Địa long	Người lớn và trẻ em từ 15-16 tuổi trở lên: 50g khô Trẻ em từ 5-6 tuổi đến 13-14 tuổi: 30g khô Trẻ em 1-2 tháng đến 4-5 tuổi: 20g khô
2	Đậu đen	100g
3	Đậu xanh	100g
4	Rau bồ ngót	200g-300g

Địa long còn tươi bỏ dọc thân ra, rửa sạch, sao thơm giòn, giã nhỏ. Đậu và rau sao thơm (băm nhỏ cành và lá rau bồ ngót). Tất cả cho vào nồi hay siêu đất hoặc nồi nhôm gang đều được. Cho vào 4 chén nước (tương đương với hơn 1,2 lít nước), sắc còn nửa chén hoặc 1/3 (100ml-150ml).

Thuốc này thường chỉ dùng một thang cũng hết bệnh, nhưng thầy thuốc thường dùng ba thang, trong ba ngày (tối nước nhất, sáng nước nhì), hai thang sau để trừ căn và trừ các di chứng như méo miệng, mắt xệch, cho nên khi uống thang thứ hai, thang thứ ba bệnh nhân đã tỉnh táo. Thuốc có thể pha với đường cho dễ

uống. Rau bồ ngót sao thật khô giòn, thuốc sẽ có mùi vị thơm ngon. Nếu rau bồ ngót để tươi không sao thì nước thuốc giống chè đậu đen rồi pha với đường.

Bài thuốc Buyang Huanwu [24]

Công thức bài thuốc: Hoàng kỳ (Radix Astragali), Đương quy (Radix Angelicae sinensis), Xích thược (Radix Paeoniae rubra), Địa long (Pheretima sp.), Xuyên khung (Rhizoma Chuanxiong), Hồng hoa (Flos Carthami) và Đào nhân (Semen Persicae)

3.3.2.2. Công dụng một số bài thuốc có thành phần Địa long theo y học cổ truyền và nghiên cứu hiện đại

Bảng 3.5. Một số bài thuốc có thành phần Địa long theo Y học cổ truyền và nghiên cứu hiện đại

Bài thuốc	Công dụng của bài thuốc có thành phần Địa Long	
	Theo YHCT	Theo các nghiên cứu hiện đại
Bổ dương hoàn ngũ thang	Bài thuốc kinh nghiệm được ghi trong bộ sách Y khoa - Y Lâm Cải Thác của Trung Quốc. Dùng trong các trường hợp bán thân bất toại, miệng và mắt méo lệch, không nói được, miệng sùi bọt mép, bí đại tiện, đi tiểu tiện nhiều lần.	Bổ dương hoàn ngũ thang có tác dụng điều trị đái tháo đường tuýp 2 có biến chứng trên thận. Tiếp tục thử nghiệm lâm sàng trên người, kết quả cho thấy bài thuốc Bổ dương hoàn ngũ thang có tác dụng làm giảm glucose máu, giảm lipid máu và giảm protein niệu [4]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Tùng năm 2020 cho thấy phác đồ điều trị phối hợp gồm: Châm cứu cải tiến, vật lý trị liệu, bài thuốc Bổ dương hoàn ngũ thang và Lục vị giúp cải thiện các triệu chứng thận âm hư và phục hồi vận động trên bệnh nhân đột quy sau 3 tháng [7].

Thần dược cứu mệnh, cứu người sau 4 khắc	Đơn thuốc này dùng chữa những trường hợp lục phủ ngũ tạng xuất huyết, não bộ xuất huyết, hôn mê bất tỉnh kéo dài nhiều ngày, phù thận, phù toàn thân, phù tim, đột ngột phát điên không rõ nguyên nhân (có sốt hoặc không sốt), bí đại tiểu tiện, bí trung tiện, khí hư bạch đới nặng và người gầy xanh xao.	
Buyang Huanwu	Buyang Huanwu là một bài thuốc tiêu biểu trong Y học cổ truyền Trung Quốc giúp bổ khí, hoạt huyết được chứng minh có hiệu quả trong việc ngăn ngừa và điều trị nhồi máu não cấp tính. Trong những năm gần đây, bài thuốc được sử dụng để bảo vệ tính toàn vẹn của hệ thống thần kinh và cải thiện tính thấm của hàng rào máu não, từ đó làm giảm nhẹ tình trạng đột quỵ và các bệnh khác do thiếu máu não gây ra [38].	Vào năm 2016, Lu Fang và cộng sự đã chứng minh bài thuốc Buyang Huanwu giúp điều trị tổn thương do thiếu máu não cục bộ bằng cách nghiên cứu ở cấp độ phân tử, từ đó có thể hướng dẫn việc áp dụng bài thuốc Buyang Huanwu trong việc phòng và điều trị bệnh [27]. Ngoài ra, việc sử dụng bài thuốc Buyang Huanwu kết hợp với hạn chế lượng protein trong chế độ ăn uống để điều trị bệnh thận do đái tháo đường là có hiệu quả [11]. Bài thuốc Buyang Huanwu có tác dụng chống oxy hóa và điều trị chứng sa sút trí tuệ bằng con đường điều chỉnh quá trình thoái hóa của tế bào thần kinh, kích hoạt tiểu cầu, chống oxy hóa và tái tạo mạch. Trong đó: Nuclear Factor-kappa B (NF- κ B) và Caspase 3 (CASP3) là các mục tiêu quan trọng để bài thuốc Buyang Huanwu điều trị chứng sa sút trí tuệ [23].

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Địa long (*Pheretima sp.*) là đại diện của động vật không xương sống thuộc ngành giun đốt (Annelida), lớp giun ít tơ (Oligochaeta). Một số bài thuốc có thành phần Địa long sử dụng theo kinh nghiệm dân gian như: Nam Địa long; Bài thuốc chữa bệnh sốt rét; Bài thuốc chữa bệnh chàm bằng Địa long và thuốc sắc của *Pheretima aspergillum* chữa bệnh hen suyễn.

Địa long có vị mặn, tính hàn, quy vào các kinh can, tỳ, phế và bàng quang. Công năng: Thanh nhiệt, trấn kinh, thông kinh lạc, bình suyễn và lợi niệu. Chủ trị: Sốt cao bất tỉnh, kinh gián co quắp, đau khớp, chân tay tê bại, phù thũng, tiểu ít và cao huyết áp. Một số bài thuốc có thành phần Địa long sử dụng trong y học cổ truyền như: Bổ dương hoàn ngũ thang; Thần dược cứu mệnh, cứu người sau 4 khắc và Bài thuốc Buyang Huanwu.

4.2. Kiến nghị

Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về công dụng của các bài thuốc dùng theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền bằng các phương pháp khoa học hiện đại. Thông qua đó có thể chứng minh công dụng, tối ưu hóa tiềm năng của các bài thuốc này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bệnh viện Y học cổ truyền Thanh Hóa (2012), *Những bài thuốc quý trong dân gian*, Nhà xuất bản Thanh niên, tr.3-135.
- [2] Đỗ Huy Bích (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập 1, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, tr.1125.
- [3] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học, tr.1166, 1167.
- [4] Quan Thế Dân (2021), *Nghiên cứu tác dụng của bài thuốc Bổ dương hoàn ngũ điều trị đái tháo đường tuýp 2 có biến chứng thận trong thực nghiệm và trên lâm sàng*, Trường Đại học Y Hà Nội.
- [5] Đỗ Tất Lợi (2019), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr.976-977.
- [6] Nguyễn Thị Mỹ Nương, Bùi Thị Như Ngọc, Âu Tuyết Mai & Đinh Minh Hiệp (2017), “Đánh giá tác dụng tăng cường miễn dịch của Bài thuốc Nam Địa Long trên chuột gây suy giảm miễn dịch bằng cyclophosphomide”, *Tạp chí phát triển Khoa học & Công nghệ*, 1(6), 68-75.
- [7] Nguyễn Văn Tùng (2020), “Đánh giá kết quả cải thiện các triệu chứng thận âm hư và phục hồi vận động trên bệnh nhân đột quỵ sau 3 tháng của phác đồ phối hợp châm cứu cải tiến, vật lý trị liệu, Bổ dương hoàn ngũ thang và Lục vị”, *Bản B của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 62(2).
- [8] Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Thị Kim Phước & Hồ Minh Thuận (2012), “Đa dạng loài và đặc điểm phân bố của giun đất ở An Giang”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, số 22, 143-153.
- [9] Aspe, N. M., & James, S. W. (2016), “New species of *Pheretima*, *Amyntas*, *Polypheretima*, and *Pithemera* (Clitellata: Megascolecidae) from Mindanao and associated islands, Philippines”, *Zoological Studies*, 55.
- [10] Binh, T. T. T. & Hien, N. T. (2011), “Initial result of the raising *Di Long* (Earthworms) (*Pheretima aspergillum perrier*, 1872)”, *Journal of Science of HNUE*, 56(7), 144-151.
- [11] Chen, D., Huang, D., Hu, T., & Chen, F. (2021), “Efficacy of Restricting Dietary Protein Intake Combined with Buyang Huanwu Decoction in Treating Diabetic Nephropathy and Its Effect on Patients’ Inflammatory Factor Levels”, *Evidence-Based Complementary and Alternative Medicine*, 2021, 1-6.
- [12] Cooper, E. L., Ru, B., & Weng, N. (2004), “Earthworms: sources of antimicrobial and anticancer molecules”, *Complementary and Alternative Approaches to Biomedicine*, 359-389.
- [13] Cooper, E. L., Hirabayashi, K., & Balamurugan, M. (2012). Dilong: food for thought and medicine. *Journal of Traditional and Complementary Medicine*, 2(4), 242-248.
- [14] Cooper, E. L., & Hirabayashi, K. (2013), “Origin of innate immune responses: revelation of food and medicinal applications”, *Journal of traditional and complementary medicine*, 3(4), 204-212.
- [15] Csuzdi, C. (2012), “Earthworm species, a searchable database”, *Opuscula Zoologica Budapest*, 43(1), 97-99.
- [16] Hussain, M., Liaqat, I., Ali, N. M., Arshad, N., Hanif, U., Sajjad, S., ... & Khan, F. S. (2021), “Antibacterial and bacteriostatic potential of coelomic fluid and body paste of *Pheretima posthuma* (Vaillant, 1868) (Clitellata, Megascolecidae) against ampicillin resistant clinical bacterial isolates”, *Brazilian Journal of Biology*, 83.
- [17] Karaca, A. (Ed.). (2010), *Biology of earthworms* (Vol. 24). *Springer Science & Business Media*, 48-49.
- [18] Nguyen, M. N. T., & Ho-Huynh, T. D. (2016), “Selective cytotoxicity of a Vietnamese traditional formula, *Nam Dia long*, against MCF-7 cells by synergistic effects”, *BMC complementary and alternative medicine*, 16(1), 1-10.
- [19] Nguyen, T. T., Nguyen, A. D., Tran, B. T., & Blakemore, R. J. (2016), “A comprehensive checklist of earthworm species and subspecies from Vietnam (Annelida: Clitellata: Oligochaeta: Almididae, Eudrilidae, Glossoscolecidae, Lumbricidae, Megascolecidae, Moniligastridae, Ocnerodrilidae, Octochaetidae)”, *Zootaxa*, 4140(1), 1-92.
- [20] Shi, Q., Wang, X., Liu, J., Xiang, X., Su, M., Huang, R., & Song, C. (2019), “Anti-asthma effect of an active components group from decoction of *Pheretima aspergillum* and its chemical composition characterized by liquid chromatography-quadrupole time of flight mass spectrometry”, *Iranian Journal of Pharmaceutical Research: IJPR*, 18(2), 867.
- [21] Wang, F., Wang, C., Li, M., Zhang, J. P., Gui, L. L., An, X. M., & Chang, W. R. (2005), “Crystal structure of earthworm fibrinolytic enzyme component B: a novel, glycosylated two-chained

- trypsin”, Journal of Molecular Biology, 348(3), 671-685.
- [22] Wu, Y., Ma, Y., Hu, S., Zhao, B., Yang, W., Sun, Z., ... & Du, S. (2019), “*Transcriptomic-proteomics-anticoagulant bioactivity integrated study of Pheretima guillemi*”, Journal of ethnopharmacology, 243, 112101.
- [23] Yang, K., Zeng, L., Ge, A., Yi, Y., Wang, S., & Ge, J. (2021), “*Exploring the oxidative stress mechanism of buyang huanwu decoction in intervention of vascular dementia based on systems biology strategy*”, Oxidative medicine and cellular longevity, 2021.
- [24] Zheng, X. Y., Zhang, Y. H., Song, W. T., Cao, H., & Liu, J. X. (2021), “*Effects of Buyang Huanwu Decoction on neurovascular units after cerebral ischemia: a review*”, Zhongguo Zhong yao za zhi= Zhongguo Zhongyao Zazhi= China Journal of Chinese Materia Medica, 46(20), 5226-5232.
- [25] Liu Weizhong (2016), *Chữa bệnh chàm bằng giun đất*, Y học Quý Châu, 3.
- [26] Li Hongyu, Li Zhong, Huang Yanling, Lu Qiwen, Li Wenshan, Liang Zhixiao & Li Liangen (2010), “*So sánh hiệu quả của các chế phẩm khác nhau của Địa long trong việc giảm hen suyễn, giảm đờm và giảm ho*”, Thuốc Quý Trung Quốc, 21(6), 1464 -1465.
- [27] Lu Fang, Jiang Ludi, Chen Yankun, Luo Gang, Liu Fang, Li Gongyu & Zhang Yanling (2016), “*Nghiên cứu cơ chế đa mục tiêu của nước sắt Buyang Huanwu chống lại tổn thương do thiếu máu não trên cơ sở bảo vệ thần kinh*”, Tạp chí Y học cổ truyền Trung Quốc - Đại học Bắc Kinh, 39(9), 744-749.
- [28] Internet Archive Way Back Machine (2018), 峨眉大蚯蚓, [Ngày truy cập: 4 tháng 4 năm 2022]: tại trang web: http://mnh.scu.edu.cn/jp_pic_view.aspx?LR_id=120263.